

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 195/CV-PSD

TP.Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2019

V/v: CBTT báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2019

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty: **Công ty Cổ phần Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí**
2. Mã chứng khoán: **PSD**
3. Địa chỉ trụ sở chính: P.207, Tòa nhà PetroVietnam, 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP.HCM
4. Điện thoại: 028.39115578 Fax: 028.39115579
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông PHAN HẢI ÂU
6. Nội dung của thông tin công bố
 - Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2019 của CTCP Dịch Vụ Phân Phối Tổng Hợp Dầu Khí lập ngày 19/10/2019 bao gồm BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - Công văn giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3 năm 2019.
 - Địa chỉ website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.psd.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VT



NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT

PHAN HẢI ÂU

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 197/CV-PSD
V/v: Giải trình chênh lệch KQKD trên
báo cáo hợp nhất quý III năm 2019

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 10 năm 2019

Kính gửi: - Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội
Phòng Quản lý niêm yết

Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí

Địa chỉ : Phòng 207, Tòa nhà Petrovietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1,
TP. Hồ Chí Minh.

Mã số thuế : 0305482862

Mã giao dịch chứng khoán: PSD

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (Công ty PSD) xin giải trình báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Quý III năm 2019 có sự thay đổi như sau:

Chỉ tiêu	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Tăng giảm (%)
Doanh thu	1,424,814,889,652	1,473,384,980,527	-3%
Lợi nhuận sau thuế	16,876,946,800	11,896,619,913	42%

Nguyên nhân:

+ Lãi gộp công ty tăng.

+ Từ quý II năm 2019 Công ty có góp vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Công Nghệ Xanh vì vậy lợi nhuận hợp nhất tăng.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 45%.

Theo đó, lợi nhuận hợp nhất sau thuế hợp nhất tăng tương ứng 42%.

Bảng công văn này, Công ty PSD xin giải trình cho Sở giao dịch chứng khoán được rõ.

Trân trọng kính chào!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, TCKT

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI
TỔNG HỢP DẦU KHÍ**



PHAN HẢI ÂU



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TỔNG HỢP DẦU KHÍ
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**

Địa chỉ: Phòng 207, Tòa nhà PetroVietnam Tower, số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, TP. HCM
Mã số thuế: 0305482862

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ III NĂM 2019**

Tháng 10 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+130+140+150)	100		1,931,508,887,874	2,165,831,471,304
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	392,028,832,586	514,862,645,793
1. Tiền	111		44,337,051,764	38,514,810,152
2. Các khoản tương đương tiền	112		347,691,780,822	476,347,835,641
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15,441,228,690	16,478,729,100
1. Chứng khoán kinh doanh	121		33,575,490,833	33,575,304,695
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	129		(18,134,262,143)	(17,096,575,595)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		855,722,571,763	842,489,618,262
1. Phải thu khách hàng	131		764,408,422,371	828,431,808,104
2. Trả trước cho người bán	132		3,550,294,081	305,552,702
3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136		96,398,507,263	64,232,815,271
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8,634,651,952)	(50,480,557,815)
IV. Hàng tồn kho	140	6	639,209,432,343	586,334,713,935
1. Hàng tồn kho	141		649,665,749,537	599,976,516,467
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10,456,317,194)	(13,641,802,532)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		29,106,822,492	205,665,764,214
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1,105,042,462	593,349,201
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		26,116,460,898	203,875,320,414
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	10	1,885,319,132	1,197,094,599
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		21,952,566,833	23,309,064,746
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2,682,629,590	2,950,623,310
2. Phải thu về cho vay dài hạn	215		941,130,000	-
2. Phải thu dài hạn khác	216		1,741,499,590	2,950,623,310
II. Tài sản cố định	220		3,271,956,034	3,809,801,415
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	3,125,227,551	3,637,751,769
- Nguyên giá	222		14,126,757,496	11,824,405,634
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11,001,529,945)	(8,186,653,865)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	146,728,483	172,049,646
- Nguyên giá	228		1,039,529,000	1,000,308,400
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(892,800,517)	(828,258,754)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258		1,350,000,000	1,350,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1,350,000,000)	(1,350,000,000)
V. Tài sản dài hạn khác	260		15,997,981,209	16,548,640,021
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		948,217,489	1,248,640,021
2. Tài sản dài hạn khác	268		1,184,138,720	-
3. Lợi thế thương mại	269		13,865,625,000	15,300,000,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1,953,461,454,707	2,189,140,536,050



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1,585,748,349,700	1,874,176,189,282
I. Nợ ngắn hạn	310		1,585,591,331,431	1,874,019,171,013
1. Phải trả người bán	311		546,388,530,039	461,586,175,729
2. Người mua trả tiền trước	312		6,201,213,372	5,152,671,712
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	9	5,045,355,845	7,289,401,640
4. Phải trả người lao động	314		16,082,509,024	20,673,754,597
5. Chi phí phải trả	315	10	9,976,091,897	11,679,171,376
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	11	154,678,998,574	135,168,110,017
7. Vay và nợ ngắn hạn	320	12	840,293,479,954	1,225,565,041,663
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6,925,152,726	6,904,844,279
II. Nợ dài hạn	330		157,018,269	157,018,269
1. Phải trả dài hạn khác	333		157,018,269	157,018,269
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		367,713,105,007	314,964,346,768
I. Vốn chủ sở hữu	410	13	367,713,105,007	314,964,346,768
1. Vốn điều lệ	411		306,826,230,000	255,793,160,000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(1,170,000,000)	(1,170,000,000)
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45,049,978,683	52,499,932,041
4. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	439		17,006,896,324	7,841,254,727
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1,953,461,454,707	2,189,140,536,050



Trần Thanh Cảnh
 Người lập biểu
 Ngày 19 tháng 10 năm 2019



Phan Hải Âu
 Kế toán trưởng



Vũ Thành Chung
 Phó giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý III năm 2019	Quý III năm 2018	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/9/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1,424,814,889,652	1,473,384,980,527	4,297,534,641,348	4,075,139,463,495
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		20,466,673,662	17,666,962,602	44,250,867,580	46,251,829,038
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1,404,348,215,990	1,455,718,017,925	4,253,283,773,768	4,028,887,634,457
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		1,336,278,554,667	1,386,980,947,380	4,061,785,004,961	3,843,597,381,823
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		68,069,661,323	68,737,070,545	191,498,768,807	185,290,252,634
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	14	6,499,784,007	11,545,865,726	18,240,901,220	39,525,481,249
7. Chi phí tài chính	22	15	13,723,154,093	19,328,656,834	41,232,499,089	61,454,787,114
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		12,670,749,111	14,967,419,945	35,882,289,792	50,802,487,688
8. Chi phí bán hàng	24		31,026,296,792	28,480,089,907	84,161,352,961	80,340,775,805
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9,692,747,931	17,676,029,597	32,393,688,772	39,237,099,345
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		20,127,246,514	14,798,159,933	51,952,129,205	43,783,071,619
11. Thu nhập khác	31		367,826,569	75,245,994	955,939,771	501,551,481
12. Chi phí khác	32		69,378,204	49,085,322	121,915,550	68,886,954
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		298,448,365	26,160,672	834,024,221	432,664,527
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		20,425,694,879	14,824,320,605	52,786,153,426	44,215,736,146
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	16	3,548,748,079	2,927,700,692	10,037,395,186	9,170,560,031
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		16,876,946,800	11,896,619,913	42,748,758,240	35,045,176,115
Trong đó:						
Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	61		557,660,020	325,331,651	(834,358,403)	(1,295,551,283)
Lợi ích của cổ đông của Công ty	62		16,319,286,780	11,571,288,262	43,583,116,643	36,340,727,398
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	17	640	453	1,708	1,424

Trần Thanh Cảnh
Người lập biểu
Ngày 19 tháng 10 năm 2019

Phan Hải Âu
Kế toán trưởng

Vũ Thành Chung
Phó giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2019	Từ ngày 01/01/2018
		đến 30/09/2019	đến 30/09/2018
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52,786,153,426	44,215,736,146
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2,628,665,742	2,670,324,338
Các khoản dự phòng	03	(45,375,841,555)	12,874,156,083
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(11,004,054,000)	(39,711,524,216)
Chi phí lãi vay	06	35,296,199,155	50,802,487,688
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	34,331,122,768	70,851,180,039
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	209,858,910,645	78,131,159,487
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(64,209,715,739)	(378,867,940,932)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	172,435,775,593	374,671,632,756
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	327,936,636	2,512,757,696
Tiền lãi vay đã trả	13	(39,615,107,045)	(55,063,763,435)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13,245,228,697)	(13,251,489,521)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(740,270,585)	(29,030,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	299,143,423,576	78,954,506,090
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(110,820,600)	(1,443,545,456)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	180,000,000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	828,078,757	-
3. Thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	27	11,981,023,437	42,005,155,131
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	12,698,281,594	40,741,609,675
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	2,654,554,991,217	3,719,097,547,994
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3,050,957,907,594)	(3,799,489,236,008)
3. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(38,272,602,000)	(25,012,814,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(434,675,518,377)	(105,404,502,014)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(122,833,813,207)	14,291,613,751
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	514,862,645,793	801,571,462,454
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	392,028,832,586	815,863,076,205

Trần Thanh Cảnh

Người lập biểu

Ngày 19 tháng 10 năm 2019

Phan Hải Âu

Kế toán trưởng

Vũ Thành Chung

Phó giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí - được thành lập trên cơ sở Xí nghiệp Viễn thông Dầu khí theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104003401 ngày 04 tháng 02 năm 2008 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh ngày 12 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Theo Nghị quyết số 28/NQ-DVTHDK ngày 13 tháng 9 năm 2011 của Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí về phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí, Công ty TNHH MTV Dịch vụ Phân phối Tổng hợp Dầu khí được chuyển đổi thành công ty cổ phần. Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần 6 số 0305482862 ngày 07 tháng 11 năm 2011 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh sửa đổi tiếp theo do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là mua bán máy móc thiết bị ngành công nghiệp, trang thiết bị văn phòng, thiết bị viễn thông; kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô; bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện, máy vi tính, thiết bị, sản phẩm đồ chơi, sản phẩm trò chơi, dụng cụ thể dục, thể thao, đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện, hàng may mặc; đại lý mua bán, ký gởi hàng hóa; bán lẻ hàng lưu niệm; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ logistic; quảng cáo; sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009. Thông tư 200 được áp dụng kể từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Ban Giám đốc đánh giá Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chi tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm 2019</u> <u>Số năm</u>
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Tiền mặt	844,228,501	82,298,115
Tiền gửi ngân hàng	43,492,823,263	38,432,512,037
Các khoản tương đương tiền	347,691,780,822	476,347,835,641
	<u>392,028,832,586</u>	<u>514,862,645,793</u>

6. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	60,168,007,958	70,578,967,832
Hàng hóa	589,057,286,119	528,526,339,594
Hàng gửi đi bán	440,455,460	856,209,041
Công cụ dụng cụ	-	15,000,000
	<u>649,665,749,537</u>	<u>599,976,516,467</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(10,456,317,194)	(13,641,802,532)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của HHTK	<u>639,209,432,343</u>	<u>586,334,713,935</u>

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2019	8,377,383,915	3,447,021,719	11,824,405,634
Mua trong kỳ	-	2,045,864,000	2,045,864,000
Chuyển từ hàng tồn kho	-	322,471,862	322,471,862
Thanh lý trong kỳ	-	(65,984,000)	(65,984,000)
Tại ngày 30/09/2019	<u>8,377,383,915</u>	<u>5,749,373,581</u>	<u>14,126,757,496</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2019	4,851,193,667	3,335,460,198	8,186,653,865
Khấu hao trong kỳ	2,752,559,234	128,300,846	2,880,860,080
Thanh lý trong kỳ	-	(65,984,000)	(65,984,000)
Tại ngày 30/09/2019	<u>7,603,752,901</u>	<u>3,397,777,044</u>	<u>11,001,529,945</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/09/2019	<u>773,631,014</u>	<u>2,351,596,537</u>	<u>3,125,227,551</u>
Tại ngày 01/01/2019	<u>3,526,190,248</u>	<u>111,561,521</u>	<u>3,637,751,769</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

NGUYÊN GIÁ	VND
Tại ngày 01/01/2019	1,000,308,400
Tăng trong kỳ	39,220,600
Tại ngày 30/09/2019	1,039,529,000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2019	828,258,754
Khấu hao trong kỳ	64,541,763
Tại ngày 30/09/2019	892,800,517
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 30/09/2019	146,728,483
Tại ngày 01/01/2019	172,049,646

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN (PHẢI THU) / PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Thuế GTGT hàng hóa	(26,848,022,923)	(1,179,360,550)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,522,039,537	6,893,259,984
Thuế TN cá nhân	121,488,624	396,141,656
Thuế xuất nhập khẩu	(279,838,574)	(17,734,049)
Thuế nhà thầu	527,909,151	-
	(22,956,424,185)	6,092,307,041
<i>Thuế và các khoản phải thu Nhà nước</i>	(27,127,861,497)	(1,197,094,599)
<i>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</i>	4,171,437,312	7,289,401,640

10. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/09/2019	01/01/2019
	VND	VND
Chi phí phải trả lãi vay	4,482,315,755	5,701,664,809
Chi phí phải trả khác	5,493,776,142	5,977,506,567
	9,976,091,897	11,679,171,376

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ PHÂN PHỐI TỔNG HỢP DẦU KHÍ**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Cổ tức	649,684,123	38,922,286,123
Các khoản phải trả phải nộp khác	154,029,314,451	96,245,823,894
	<u>154,678,998,574</u>	<u>135,168,110,017</u>

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>30/09/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
	VND	VND
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam) - CN HCM	-	407,904,543,961
Ngân hàng TNHH Một Thành Viên HSBC-Việt Nam	332,766,318,420	391,201,759,866
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	396,191,454,031	7,415,772,246
Ngân hàng TM CP Quân Đội-CN Sài Gòn	-	299,901,204,900
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN TP.HCM	107,835,707,503	119,141,760,690
Vay cá nhân	3,500,000,000	-
	<u>840,293,479,954</u>	<u>1,225,565,041,663</u>

13. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND	VND		VND
Số dư tại ngày 01/01/2018	213,265,490,000	(1,170,000,000)	69,879,973,852	10,801,403,442	292,776,867,294
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	64,814,903,644	(1,029,155,771)	63,785,747,873
Tăng vốn trong kỳ	42,527,670,000	-	(42,527,670,000)	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	(1,392,351,455)	-	(1,392,351,455)
Chia cổ tức	-	-	(38,274,924,000)	(1,930,992,944)	(40,205,916,944)
Số dư tại ngày 01/01/2019	255,793,160,000	(1,170,000,000)	52,499,932,041	7,841,254,727	314,964,346,768
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	43,583,116,643	(834,358,403)	42,748,758,240
Tăng vốn trong kỳ	51,033,070,000	-	-	-	51,033,070,000
Chia cổ tức	-	-	(51,033,070,000)	-	(51,033,070,000)
Tăng do mua công ty con	-	-	-	10,000,000,000	10,000,000,000
Số dư tại ngày 30/09/2019	306,826,230,000	(1,170,000,000)	45,049,978,684	17,006,896,324	367,713,105,008

14. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Từ ngày 1/1/2019 đến</u>	<u>Từ ngày 1/1/2018 đến</u>
	<u>30/9/2019</u>	<u>30/9/2018</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8,976,392,849	35,274,092,149
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,485,572,980	1,499,882,694
Hoạt động tài chính khác	5,778,935,391	2,751,506,406
	<u>18,240,901,220</u>	<u>39,525,481,249</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

15. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/9/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018
	VND	VND
Chi phí lãi vay	35,882,289,792	50,802,487,688
Lỗ chênh lệch tỷ giá	518,995,521	3,731,154,426
Hoạt động tài chính khác	4,831,213,776	6,921,145,000
	41,232,499,089	61,454,787,114

16. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/9/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018
	VND	VND
Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	52,786,153,426	44,215,736,146
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(2,034,411,000)	(2,441,293,200)
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	363,600,420	1,434,375,000
Trừ: Hoàn nhập dự phòng	(3,185,485,338)	-
Cộng: Lỗ tính thuế mà không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2,257,118,423	2,643,982,210
Thu nhập chịu thuế	50,186,975,931	45,852,800,156
Chi phí thuế TNDN hiện hành	10,037,395,186	9,170,560,031

17. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 1/1/2019 đến 30/9/2019	Từ ngày 1/1/2018 đến 30/9/2018
Lợi nhuận sau thuế TNDN và trích lập quỹ (VND)	43,583,116,643	36,340,727,398
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	25,516,616	25,516,616
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1,708	1,424

18. PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2019 được Ban giám đốc Công ty phê duyệt phát hành vào ngày 19 tháng 10 năm 2019.



Trần Thanh Cảnh
 Người lập biểu
 Ngày 19 tháng 10 năm 2019



Phan Hải Âu
 Kế toán trưởng



Vũ Thành Chung
 Phó giám đốc